

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh động vật
trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thú y số ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 13/02/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia khống chế và tiến tới loại trừ bệnh Đại giai đoạn 2017-2021;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 13/02/2019 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Cúm gia cầm, giai đoạn 2019-2025;

Căn cứ Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07/7/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, giai đoạn 2020-2025;

Căn cứ Quyết định số 1632/QĐ-TTg, ngày 22/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia phòng chống bệnh LMLM giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 861/QĐ-TTg, ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản;

Căn cứ Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ công tác phòng dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 của HĐND tỉnh Sơn La sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2, Điều 1 Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 295/TTr-SNN, ngày 16 tháng 7 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch Phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2022 *(có bản kế hoạch chi tiết kèm theo)*.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các ngành, đơn vị có liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện Kế hoạch này đảm bảo tiến độ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài Chính, Kế hoạch và đầu tư, Giám đốc kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, *Manh KT*, 10 bản.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Công

KẾ HOẠCH**Phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2022**

Trong 6 tháng đầu năm 2021, trên địa bàn tỉnh Sơn La xảy ra các dịch bệnh nguy hiểm trên động vật, cụ thể: bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (DTLCP) xảy ra tại 34 xã tại 9 huyện, thành phố, số lợn mắc bệnh, chết, tiêu hủy 1.382 con với tổng trọng lượng 73.364 kg; bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) trâu, bò xảy ra tại 154 xã, của 12/12 huyện, thành phố, tổng số gia súc mắc bệnh 1.783 con, số tiêu hủy là 1.508 con với tổng trọng lượng 259.839 kg; bệnh Lở mồm long móng (LMLM) gia súc xảy ra tại 05 xã của 04 huyện, thành phố, số gia súc mắc bệnh 150 con; bệnh Đại không phát hiện trên động vật, tuy nhiên theo số liệu của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, trong 6 tháng đầu năm 2021 đã có 02 trường hợp người tử vong do lên cơn dại tại xã Hua Trai, huyện Mường La và phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La.

Năm 2022, dự báo tình hình dịch bệnh động vật như DTLCP, VDNC, LMLM, Cúm gia cầm,... trên thế giới và trong nước có chiều hướng diễn biến phức tạp. Trên địa bàn tỉnh Sơn La, tổng đàn gia súc, gia cầm tương đối lớn là sinh kế, nguồn thu nhập chính của người chăn nuôi (*tổng đàn trâu: 123.608 con; đàn bò: 358.268 con, đàn lợn 621.606 con; đàn gia cầm: 7.076 nghìn con*), chăn nuôi nông hộ là chủ yếu, chưa có cơ sở giết mổ động vật tập trung; nhu cầu vận chuyển, buôn bán động vật, sản phẩm động vật ngày càng cao; thời tiết, khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp làm tăng nguy cơ phát sinh và lây lan dịch bệnh động vật.

Để chủ động triển khai thực hiện đồng bộ công tác phòng, chống dịch bệnh động vật theo đúng quy định Luật Thú y và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, ngăn chặn có hiệu quả nguy cơ phát sinh và lây lan các dịch bệnh nguy hiểm ở động vật trên địa bàn tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La ban hành Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh năm 2022, như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Triển khai thực hiện hiệu quả sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật.
- Chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật có hiệu quả với phương châm phòng bệnh là chính, kết hợp thực hiện đồng bộ biện pháp quản lý, giám sát dịch bệnh đến tận tổ, bản, tiểu khu hộ chăn nuôi; phát hiện sớm, khoanh vùng không chế, xử lý kịp thời, triệt để các dịch bệnh nguy

hiểm phát sinh ở động vật; đảm bảo sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản phát triển ổn định, bền vững, bảo vệ sức khỏe nhân dân.

2. Yêu cầu

- Việc tổ chức thực hiện phòng, chống dịch bệnh động vật cần được sự chỉ đạo thống nhất và phối kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, phải huy động được hệ thống chính trị và toàn dân tích cực tham gia thực hiện.

- Các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật tuân theo các quy định của pháp luật về thú y và sự chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh.

- Tổ chức phòng, chống dịch bệnh động vật kịp thời, phù hợp và hiệu quả, tránh gây lãng phí nguồn lực.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Khi chưa có dịch bệnh động vật

1.1. Công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, các quy định của nhà nước về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật, hướng dẫn các biện pháp phòng chống dịch bệnh động vật cho người dân thông qua Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, báo Sơn La, hội nghị, hội thảo, tập huấn, tờ rơi,...

- Thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình dịch bệnh động vật trên thế giới, trong nước và trong tỉnh để mọi người dân được biết và chủ động phòng, chống.

- Hướng dẫn các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản thực hiện các biện pháp chăn nuôi an toàn sinh học, đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh.

- Tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác thú y và lực lượng trực tiếp tham gia phòng, chống dịch bệnh động vật, những người trực tiếp làm công tác kiểm soát giết mổ, các hộ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- Quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản tại các vùng nuôi trồng thủy sản tại các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung phù hợp với quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản của địa phương, những nơi thường xảy ra dịch bệnh hoặc có nguy cơ ô nhiễm môi trường.

1.2. Về giám sát dịch bệnh

- Tổ chức giám sát chặt chẽ các loại dịch bệnh động vật, đến tận cơ sở, hộ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- củng cố, hoàn thiện hệ thống báo cáo dịch từ các hộ chăn nuôi đến xã, huyện, tỉnh.

- Giám sát sự lưu hành của mầm bệnh tại các hộ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tại các chợ buôn bán gia súc, gia cầm hoặc từ những động vật ốm, chết không

rõ nguyên nhân trên địa bàn các huyện, thành phố bằng hình thức lấy mẫu xét nghiệm định kỳ và đột xuất.

1.3. Công tác tiêm phòng

1.3.1. Thời gian tiêm: Tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm 2 đợt chính trong năm (*Đợt 1 vào tháng 3-4, đợt 2 vào tháng 9-10*). Ngoài 2 đợt chính, tổ chức tiêm phòng bổ sung cho gia súc, gia cầm mới sinh, mới nhập đàn.

1.3.2. Đối tượng và loại vắc xin tiêm phòng

- Vắc xin tiêm phòng ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết 89/2014/NQ-HĐND và nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh:

+ Đối với trâu, bò tiêm phòng các loại vắc xin Tụ huyết trùng (THT) LMLM; riêng vắc xin Ung khí thán chỉ triển khai tiêm phòng tại những địa phương có ổ dịch cũ.

+ Đối với lợn (*lợn nái, đực giống*) tiêm phòng vắc xin Dịch tả lợn.

+ Đối với gà tiêm phòng vắc xin Niu cát xon.

+ Đối với chó, mèo tiêm phòng vắc xin Đại.

- Các loại vắc xin không nằm trong chương trình hỗ trợ của ngân sách nhà nước, căn cứ tình hình dịch bệnh, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch chỉ đạo triển khai tiêm phòng theo hướng xã hội hóa, khuyến khích chủ vật nuôi chủ động mua vắc xin để tiêm phòng (*VDNC, THT lợn, THT gia cầm, Tai xanh lợn, Cúm gia cầm, ...*).

1.3.3. Phạm vi tiêm phòng: Trên địa bàn 12 huyện, thành phố.

1.3.4. Số lượng và loại vắc xin

- Tổng số liều vắc xin gia súc 2.269.509 liều (*870.212 liều vắc xin LMLM trâu, bò; 870.212 liều vắc xin THT trâu, bò; 191.550 liều vắc xin Ung khí thán; 179.762 liều vắc xin Dịch tả lợn cổ điển; 157.773 liều vắc xin đại chó*), vắc xin gia cầm 5.686.262 liều (*Chi tiết tại Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05 kèm theo*).

- Số lượng vắc xin các doanh nghiệp và trang trại chăn nuôi động vật tập trung tự mua: Tổng số khoảng trên 3.000.000 liều (*gồm các loại vắc xin: VDNC, LMLM, THT trâu, bò; Dịch tả lợn; Tai xanh; Niu cát xon, Cúm gia cầm, ...*

1.4. Công tác lấy mẫu

1.4.1. Lấy mẫu giám sát lưu hành vi rút LMLM, VDNC trâu, bò, DTLCP, Cúm gia cầm, Đại chó (*Lấy mẫu theo chương trình của Trung ương, của tỉnh*)

- Địa điểm lấy mẫu: Tại 12 huyện, thành phố

- Tổng số mẫu: 145 mẫu (*mỗi bệnh lấy 29 mẫu/bệnh*).

1.4.2. Lấy mẫu để chẩn đoán bệnh khi nghi ngờ có ổ dịch gia súc, gia cầm. Căn cứ vào tình hình dịch bệnh, dự kiến lấy 1.052 mẫu/12 huyện, thành phố (*bao gồm các bệnh LMLM 36 mẫu, Dịch tả lợn cổ điển 36 mẫu, Tai xanh 36*

mẫu, Cúm gia cầm 36 mẫu, Niu cát sơn 36 mẫu, Đại chó 36 mẫu, thủy sản 36 mẫu, VDNC trâu, bò 300 mẫu, bệnh DTLCP 500 mẫu).

1.4.3. Lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng vắc xin

- Lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng vắc xin LMLM: Số lượng: 183 mẫu, lấy tại 03 huyện, thành phố (mỗi huyện lấy 61 mẫu).

- Lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng các loại vắc xin khác: Lấy mẫu tại 03 huyện, tổng số 61 mẫu.

1.4.4. Lấy mẫu giám sát tại các cơ sở chăn nuôi đã được cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (kinh phí lấy mẫu do chủ cơ sở tự chi trả)

- Đối với 03 Trung tâm giống thuộc Trung tâm giống và chuyển giao kỹ thuật của Công ty Cổ phần giống bò sữa Mộc Châu: Lấy 183 mẫu kiểm tra kháng thể sau tiêm phòng vắc xin LMLM.

- Đối với các khu vực chăn nuôi bò sữa (09 khu vực): lấy mẫu 543 mẫu để kiểm tra kháng thể sau tiêm phòng vắc xin LMLM.

- Đối với các cơ sở chăn nuôi lợn: Lấy 122 mẫu/01 cơ sở để kiểm tra kháng thể sau tiêm phòng vắc xin LMLM và Dịch tả lợn. Tổng số mẫu là 1.586 mẫu. Định kỳ lấy mẫu để kiểm tra phát hiện vi rút DTLCP theo quy định.

- Đối với cơ sở chăn nuôi gia cầm: Lấy 244 mẫu để kiểm tra kháng thể sau tiêm phòng vắc xin Niu cát sơn và cúm gia cầm.

1.4.5. Phối hợp thực hiện các chương trình lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu, đánh giá của Cục thú y, Trung tâm Chẩn đoán Thú y trung ương, Chi cục Thú y vùng 1 và các đơn vị khác.

1.5. Công tác vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi

- Hằng năm phát động các đợt tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường theo chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT, của UBND tỉnh.

- Số lượng hoá chất, diện tích phun khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi 39.955 lít hóa chất (Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo).

- Phạm vi phun khử trùng tiêu độc: Các hộ gia đình chăn nuôi, cơ sở buôn bán, giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm; các chợ mua bán và phương tiện vận chuyển gia súc, gia cầm.

- Lực lượng tham gia phun: Do tổ, bản, tiểu khu tổ chức thực hiện dưới sự hướng dẫn, giám sát của Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố và chính quyền địa phương.

- Quy trình vệ sinh, khử trùng tiêu độc: Theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Ngoài các tháng vệ sinh, khử trùng tiêu độc môi trường chăn nuôi do Bộ Nông nghiệp và PTNT, UBND tỉnh phát động, các cơ sở chăn nuôi chủ động mua hóa chất thường xuyên thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc chuồng trại, môi trường chăn nuôi theo sự hướng dẫn của cơ quan Thú y.

1.6. Kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y

- Tổ chức kiểm dịch đối với động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát chặt chẽ việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra, vào địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Thông tư số 25/2016/TT-BNNPTNT, số 26/2016/TT-BNNTTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn, động vật thủy sản và các văn bản khác.

- Thực hiện kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ, các điểm tập kết buôn bán gia súc, gia cầm theo Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT, ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y và các văn bản chỉ đạo khác.

- Xử lý nghiêm các trường hợp vận chuyển, buôn bán, giết mổ động vật chưa qua kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

1.7. Quản lý thuốc thú y và thức ăn chăn nuôi

- Thực hiện công tác quản lý thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y theo các quy định pháp luật.

- Rà soát, thống kê, lập danh sách quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp kiểm tra, xử lý vi phạm (nếu có) trong lĩnh vực thức ăn chăn nuôi và thuốc thú y.

1.8. Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

- Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như LMLM, Dịch tả lợn, Niu cát xon, Cúm gia cầm,...theo quy định tại Thông tư 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Tổ chức giám sát dịch bệnh, thẩm định, đánh giá và công nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật khi đủ điều kiện theo quy định; công bố danh sách cơ sở an toàn dịch bệnh trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT.

2. Khi xuất hiện dịch bệnh

Thực hiện khẩn trương, đồng bộ các biện pháp bao vây, khống chế, chống dịch theo quy định tại Luật Thú y, Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn, Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và các văn bản chỉ đạo khác, cụ thể:

2.1. Đối với ổ dịch động vật thủy sản

- Thu hoạch thủy sản mắc bệnh: Thực hiện thu hoạch đối với thủy sản đạt kích cỡ thương phẩm, có thể sử dụng làm thực phẩm, thức ăn chăn nuôi hoặc

các mục đích khác (*trừ thủy sản làm giống hoặc thức ăn tươi sống cho thủy sản khác*). Chủ cơ sở nuôi thu hoạch thủy sản trong ổ dịch phải thực hiện theo đúng hướng dẫn, chịu sự giám sát của cơ quan thú y đảm bảo an toàn dịch bệnh trong quá trình thu hoạch, vận chuyển đến cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản nhiễm bệnh.

- Điều trị thủy sản mắc bệnh: Thực hiện điều trị đối với thủy sản mắc bệnh được Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản xác định có thể điều trị và chủ cơ sở nuôi có nhu cầu điều trị thủy sản mắc bệnh.

- Tiêu hủy thủy sản mắc bệnh: Tiêu hủy đối với thủy sản mắc bệnh chưa đạt kích cỡ thương phẩm, thủy sản giống hoặc thức ăn tươi sống cho thủy sản khác bằng các loại hóa chất trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam.

- Khử trùng sau thu hoạch, tiêu hủy đối với ổ dịch: Thực hiện khử trùng nước trong bể, ao, vùng nuôi; khử trùng công cụ, dụng cụ, lồng nuôi, lưới; xử lý nền đáy, diệt giáp xác và các vật chủ trung gian truyền bệnh bằng hoá chất sau khi thu hoạch hoặc tiêu hủy thủy sản, đảm bảo không còn mầm bệnh, dư lượng hóa chất và đảm bảo vệ sinh môi trường. Nước trong ao, đầm nuôi nhiễm bệnh phải được tiêu độc, khử trùng bằng hóa chất.

2.2. Đối với ổ dịch động vật trên cạn

- Tổ chức khoanh vùng dịch, xử lý, tiêu hủy gia súc, gia cầm bệnh theo quy định.

- Vệ sinh, khử trùng tiêu độc chuồng trại, môi trường chăn nuôi theo hướng dẫn của cơ quan Thú y. Tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm ở vùng dịch, vùng bị dịch uy hiếp và vùng đệm theo hướng dẫn của cơ quan thú y. Chủ động dự phòng nguồn vắc xin, hóa chất chống dịch. Kinh phí chống dịch khi công bố dịch bệnh động vật thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Lập các chốt kiểm soát để kiểm soát việc lưu thông vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra, vào ổ dịch nhằm ngăn chặn dịch lây lan.

- Quản lý chặt chẽ đàn vật nuôi trong vùng dịch; nghiêm cấm việc bán chạy, giết mổ hoặc vớt xác động vật mắc bệnh ra ngoài môi trường.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, giám sát dịch bệnh; hướng dẫn người chăn nuôi kiểm tra, phát hiện và chủ động khai báo khi có dịch để được hỗ trợ xử lý kịp thời.

III. KINH PHÍ TRIỂN KHAI

1. Hỗ trợ tiêm phòng theo Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014, Nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La về hỗ trợ công tác phòng dịch gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh.

1.1. Tiền vắc xin (*LMLM trâu, bò; THT trâu, bò; Ung khí thán trâu, bò; Dịch tả lợn; Đại chó, mèo; Niu cát xon gà*) và chi phí triển khai (*tiền công tiêm phòng, vật tư, đá bảo quản, tuyên truyền, cước vận chuyển...*) ngân sách tỉnh cấp.

Riêng đối với vắc xin Đại chó: Các xã khu vực III, ngân sách tỉnh hỗ trợ 100% tiền vắc xin và tiền công tiêm phòng; các xã thuộc khu vực II, ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% tiền vắc xin và tiền công tiêm phòng; các xã thuộc khu vực I, ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% tiền vắc xin và tiền công tiêm phòng. Các phường thuộc thành phố và thị trấn thuộc huyện do người dân tự chi trả.

1.2. Đối với các loại vắc xin không nằm trong chương trình được nhà nước hỗ trợ thì khuyến khích thực hiện theo hình thức xã hội hóa (*người chăn nuôi thanh toán tiền vắc xin và chi phí tiêm phòng*).

1.3. Đối với vắc xin, hóa chất chống dịch khi có dịch bệnh động vật xảy ra: Do ngân sách xã, huyện, tỉnh cấp.

2. Hỗ trợ công tác vệ sinh tiêu độc khử trùng

- Tiền hoá chất, chi phí triển khai (*tiền công phun khử trùng tiêu độc, cước vận chuyển và các khoản chi phí khác có liên quan*) do ngân sách tỉnh cấp để thực hiện công tác vệ sinh, khử trùng tiêu độc tháng hành động theo phát động của Trung ương và của tỉnh.

- Phun tiêu độc khử trùng chống dịch khi có dịch bệnh động vật xảy ra: do ngân sách tỉnh, ngân sách huyện cấp.

3. Lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng và giám sát dịch bệnh; Lấy mẫu để chẩn đoán bệnh động vật

3.1. Lấy mẫu giám sát sau tiêm phòng và giám sát dịch bệnh

- Đối với chương trình tiêm phòng theo Nghị quyết 89/2014/NQ-HĐND, Nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 do ngân sách tỉnh cấp.

- Lấy mẫu giám sát tại cơ sở chăn nuôi: Chủ cơ sở chăn nuôi tự chi trả.

3.2. Lấy mẫu để chẩn đoán bệnh khi có các ổ dịch nguy hiểm gia súc, gia cầm, thủy sản xảy ra: Ngân sách tỉnh, huyện cấp.

4. Tập huấn

- Tập huấn cho cán bộ làm công tác thú y, người chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản: ngân sách tỉnh cấp.

- Tập huấn cho thú y xã, bản: ngân sách huyện cấp.

5. Quan trắc môi trường thủy sản: Kinh phí xét nghiệm mẫu và các chi phí liên quan đến lấy mẫu do ngân sách tỉnh cấp.

6. Tổng kinh phí: 55.690.287 nghìn đồng, trong đó:

- Kinh phí mua vắc xin, hóa chất: 36.672.728 nghìn đồng (*vắc xin 28.250.179 nghìn đồng, hóa chất 8.522.549 nghìn đồng*).

- Kinh phí công tiêm phòng cho gia súc, công phun khử trùng tiêu độc: 16.270.203 nghìn đồng (*công tiêm phòng 11.408.703 nghìn đồng, công phun khử trùng tiêu độc 4.861.500 nghìn đồng*).

- Chi phí triển khai: 2.747.356 nghìn đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND các huyện, thành phố

- Thông tin, tuyên truyền trên hệ thống phát thanh, truyền hình của địa phương để nâng cao nhận thức của người dân về công tác phòng, chống dịch bệnh động vật và tích cực hưởng ứng tham gia.

- Chỉ đạo UBND xã, phường, thị trấn phối hợp với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp các huyện, thành phố triển khai công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; kiểm tra việc triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật theo kế hoạch đã được phê duyệt.

- Chủ động lực lượng, nguồn kinh phí để kịp thời phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để dịch bệnh gia súc, gia cầm lây lan ra diện rộng do chủ quan, lơ là, thiếu sự phối hợp trong công tác phòng chống dịch và chậm tiến độ trong việc triển khai công tác phòng chống dịch bệnh trên địa bàn quản lý.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo hiệu quả, đúng quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các cấp, các ngành liên quan, kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh động vật ở các huyện, thành phố. Theo dõi, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Phối hợp Sở Y tế trong việc hướng dẫn các địa phương giám sát và phòng chống các bệnh động vật lây sang người theo Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT ngày 27/5/2013 của liên Bộ Y tế và Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn phối hợp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người.

- Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản:

+ Phối hợp với các cơ quan truyền thông, thông tin kịp thời, chính xác về tình hình dịch bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch; các biện pháp chăn nuôi sinh học, an toàn dịch bệnh. Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống dịch bệnh hằng năm.

+ Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật nhập vào địa bàn tỉnh (*đặc biệt là kiểm tra đối với động vật làm giống của các chương trình, dự án trên địa bàn*); Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện tốt công tác kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trước khi cho phép lưu hành trên thị trường; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

+ Chỉ đạo, hướng dẫn Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp huyện, thành phố, phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn giám sát dịch bệnh động vật đến tận tổ, bản, hộ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, phát hiện sớm các ổ dịch nhằm kịp thời bao vây, khống chế không để dịch lây lan; phun tiêu độc, khử trùng môi trường chăn nuôi; tổ chức tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm và cấp giấy chứng nhận tiêm phòng theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 3 Thông tư 07/2016/TT-BNNPTTN; triển khai tiêm phòng một số loại vắc xin theo hình thức xã hội hóa như Viêm da nổi cục trâu bò, Cúm gia cầm....

+ Thực hiện cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại vắc xin, hóa chất và vật tư thú y thuộc các chương trình theo kế hoạch được giao để phòng, chống dịch bệnh động vật; hướng dẫn kiểm tra việc tuân thủ quy trình, kỹ thuật trong quá trình thực hiện phòng, chống dịch, định kỳ báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT.

3. Sở Tài chính: Tham mưu cho UBND tỉnh nguồn kinh phí để kịp thời phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh động vật theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch theo quy định.

4. Cục Quản lý thị trường: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tăng cường kiểm tra, kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật lưu thông trên địa bàn đặc biệt là nhập từ tỉnh ngoài vào; xử lý vi phạm trong việc buôn bán, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật theo quy định.

5. Sở Y tế

- Giám sát, phát hiện, chia sẻ thông tin, tuyên truyền, phối hợp phòng, chống dịch bệnh lây từ động vật sang người.

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người theo quy định tại Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNNPTNT ngày 27/5/2013 của liên Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: Chỉ đạo cơ quan báo chí tổ chức thông tin, tuyên truyền đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình dịch bệnh và công tác phòng, chống dịch bệnh động vật; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền và người dân về công tác phòng chống dịch bệnh cho động vật.

7. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện giám sát và xử lý môi trường tại các khu vực chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, khu vực chôn lấp, tiêu hủy động vật mắc bệnh chết theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm các trường hợp gây ô nhiễm môi trường.

8. Công an tỉnh: Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát môi trường, Công an các huyện, thành phố phối hợp với Cục Quản lý thị trường, Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản kiểm soát chặt chẽ động vật và sản phẩm động vật nhập vào, địa bàn tỉnh, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

Yêu cầu các Sở, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này và thường xuyên báo cáo về Sở Nông nghiệp và PTNT để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kịp thời chỉ đạo./.

Phụ lục 01:
SỐ LƯỢNG CHÓ, MÈO VÀ VẮC XIN ĐẠI NĂM 2022

TT	Tên huyện	Tổng số			Các xã vùng III (NST hỗ trợ 100% vắc xin và công tiêm)			Các xã vùng II (NST hỗ trợ 50% vắc xin và công tiêm)			Các xã vùng I (NST hỗ trợ 30% vắc xin và công tiêm)			Các phường, thị trấn (không áp dụng NQ 89/2014/NQ-HĐND)		
		Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)
1	Thuận Châu	18.906	17.030	17.030	16.273	14.690	14.690	1.321	1.170	1.170	956	870	870	356	300	300
2	Quỳnh Nhai	6.659	6.659	6.659	1.973	1.973	1.973	1.747	1.747	1.747	2.939	2.939	2.939			
3	Thành phố	7.574	7.574	7.574							3.878	3.878	3.878	3.696	3.696	3.696
4	Mường La	14.307	13.110	13.110	9.552	8.595	8.595				2.915	2.915	2.915	1.840	1.600	1.600
5	Mai Sơn	22.460	19.408	19.408	9.610	9.128	9.128				11.356	9.085	9.085	1.494	1.195	1.195
6	Yên Châu	13.350	13.350	13.350	11.430	11.430	11.430				1.520	1.520	1.520	400	400	400
7	Mộc Châu	20.398	20.398	20.398	2.567	2.567	2.567	2.014	2.014	2.014	11.210	11.210	11.210	4.607	4.607	4.607
8	Vân Hồ	8.027	5.970	5.970	6.776	5.070	5.070				1.251	900	900			
9	Bắc Yên	10.646	9.581	9.581	7.647	6.881	6.881				1.669	1.503	1.503	1.330	1.197	1.197
10	Phù Yên	19.727	19.727	19.727	8.174	8.174	8.174	2.262	2.262	2.262	8.276	8.276	8.276	1.015	1.015	1.015
11	Sông Mã	25.034	18.230	18.230	21.253	15.230	15.230				3.331	2.600	2.600	450	400	400
12	Sốp Cộp	6.736	6.736	6.736	4.985	4.985	4.985				1.751	1.751	1.751			
	Tổng cộng	173.824	157.773	157.773	100.240	88.723	88.723	7.344	7.193	7.193	51.052	47.447	47.447	15.188	14.410	14.410

Phụ lục 02:

SỐ LƯỢNG GIA SÚC VÀ VẮC XIN TIÊM PHÒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 89/2014/NQ-HĐND; NGHỊ QUYẾT 56/NQ-HĐND - NĂM 2022 TẠI CÁC XÃ KHU VỰC III THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 861/QĐ-TTg NGÀY 04/6/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

TT	Tên huyện	Vắc xin LMLM			Vắc xin THT Trâu, bò			Vắc xin Ung khí thán			Vắc xin Dịch tả Lợn		
		Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin LMLM type O (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)
1	Huyện Thuận Châu	51.584	45.000	90.000	51.584	51.584	103.168			-	39.800	9.840	19.680
2	Huyện Quỳnh Nhai	8.170	7.200	14.400	8.170	7.200	14.400			-	5.152	2.100	4.200
3	Thành phố Sơn La			-	-	-	-			-			-
4	Huyện Mường La	28.140	25.700	51.400	28.140	25.700	51.400			-	10.434	9.180	18.360
5	Huyện Mai Sơn	18.101	14.465	28.930	18.101	14.465	28.930	8.140	4.320	8.640	54.593	2.124	4.248
6	Huyện Yên Châu	23.853	18.925	37.850	23.853	18.925	37.850			-	39.818	3.190	6.380
7	Huyện Mộc Châu	9.161	9.161	18.322	9.161	9.161	18.322			-	8.700	1.255	2.510
8	Huyện Vân Hồ	32.600	29.250	58.500	32.600	29.250	58.500	32.600	14.050	28.100	7.123	6.380	12.760
9	Huyện Bắc Yên	34.483	29.311	58.622	34.483	29.311	58.622			-	3.120	2.652	5.304
10	Huyện Phù Yên	31.676	30.065	60.130	31.676	30.065	60.130			-	11.223	1.869	3.738
11	Huyện Sông Mã	56.347	53.100	106.200	56.347	53.100	106.200	56.347	26.550	53.100	63.856	10.720	21.440
12	Huyện Sốp Cộp	24.839	22.350	44.700	24.839	22.350	44.700	24.839	21.750	43.500	9.622	3.360	6.720
	Tổng cộng	318.954	284.527	569.054	318.954	291.111	582.222	121.926	66.670	133.340	253.441	52.670	105.340

Phụ lục 03:

SỐ LƯỢNG GIA SÚC VÀ VẮC XIN TIÊM PHÒNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 89/2014/NQ-HĐND; NGHỊ QUYẾT 56/NQ-HĐND - NĂM 2022 TẠI CÁC XÃ KHU VỰC I, II THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 861/QĐ-TTg NGÀY 04/6/2021 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

TT	Tên huyện	Số lượng gia súc và vắc xin LMLM			Số lượng gia súc và vắc xin THT trâu, bò			Số lượng gia súc và vắc xin Ung khí thán trâu, bò			Số lượng lợn và vắc xin Dịch tả lợn		
		Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin LMLM type O (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)
1	Thuận Châu	7.671	6.600	13.200	7.671	6.600	13.200			-	12.225	2.551	5.102
2	Quỳnh Nhai □	28.281	25.750	51.500	28.281	25.750	51.500			-	17.489	6.200	12.400
3	Thành Phố	6.585	5.600	11.200	6.585	5.600	11.200			-	15.518	2.260	4.520
4	Mường La	10.332	9.275	18.550	10.332	9.275	18.550			-	4.622	4.230	8.460
5	Mai Sơn	20.554	16.475	32.950	20.554	16.475	32.950			-	46.812	8.366	16.732
6	Yên Châu	6.274	5.033	10.066	6.274	5.033	10.066			-	3.831	440	880
7	Mộc Châu	42.190	42.190	84.380	42.190	42.190	84.380			-	43.300	5.867	11.734
8	Vân Hồ	7.774	6.975	13.950	7.774	6.975	13.950	7.774	6.990	13.980	2.439	2.180	4.360
9	Bắc Yên	6.184	5.256	10.512	6.184	5.256	10.512			-	374	318	636
10	Phù Yên	17.303	15.450	30.900	17.303	15.450	30.900			-	14.339	1.939	3.878
11	Sông Mã	9.677	8.825	17.650	9.677	8.825	17.650	9.677	4.413	8.825	11.404	1.520	3.040
12	Sốp Cộp	3.293	3.150	6.300	3.293	3.150	6.300	3.293	3.150	6.300	4.726	1.340	2.680
	Tổng cộng	166.118	150.579	301.158	166.118	150.579	301.158	20.744	14.553	29.105	177.079	37.211	74.422

Phụ lục 04:**SỐ LƯỢNG GÀ VÀ VẮC XIN NIU CÁT XƠN, SỐ LƯỢNG HÓA CHẤT VÀ DIỆN TÍCH PHUN TIÊU ĐỘC KHỬ TRÙNG MÔI TRƯỜNG CHĂN NUÔI NĂM 2022**

TT	Tên huyện, thành phố	Số lượng gà và vắc xin Niu cát xơn			Diện tích và hóa chất phun tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi		
		Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Diện tích (m ²)	Hóa chất (lít)	Ghi chú
1	Huyện Thuận Châu	539.244	395.700	791.400	10.000.000	5.000	
2	Huyện Quỳnh Nhai	167.043	120.000	240.000	3.700.000	1.850	
4	Thành phố Sơn La	399.412	280.000	560.000	3.300.000	1.650	
3	Huyện Mường La	335.998	229.450	458.900	4.980.000	2.490	
5	Huyện Mai Sơn	751.434	504.000	1.008.000	10.000.000	5.000	
6	Huyện Yên Châu	339.652	271.569	543.138	11.080.000	5.540	
7	Huyện Mai Sơn	406.886	211.200	422.400	10.000.000	5.000	
8	Huyện Vân Hồ	232.651	160.000	320.000	6.960.000	3.480	
9	Huyện Bắc Yên	233.871	178.000	356.000	2.600.000	1.300	
10	Huyện Phù Yên	210.500	210.500	421.000	4.000.000	2.000	
11	Huyện Sông Mã	583.990	139.500	279.000	6.720.000	3.360	
12	Huyện Sốp Cộp	163.176	143.212	286.424	6.570.000	3.285	
	Tổng cộng	4.363.857	2.843.131	5.686.262	79.910.000	39.955	

Phụ lục 05:**TỔNG HỢP NHU CẦU VẮC XIN TIÊM PHÒNG, HÓA CHẤT PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT NĂM 2022**

TT	Tên huyện	Vắc xin LMLM trâu, bò			Vắc xin THT trâu, bò			Vắc xin Ung khí thán trâu, bò			Vắc xin Dịch tả lợn			Vắc xin Đại			Vắc xin Niu cát xon gà			Hóa chất Benkocid
		Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	Tổng đàn (con)	Diện tiêm (con)	Vắc xin (liều)	
1	Thuận Châu	59.255	51.600	103.200	59.255	51.600	103.200				52.025	12.391	24.782	18.906	17.030	17.030	539.244	395.700	791.400	5.000
2	Quỳnh Nhai	36.451	32.950	65.900	36.451	32.950	65.900				22.641	8.300	16.600	6.659	6.659	6.659	167.043	120.000	240.000	1.850
3	Thành Phố	6.585	5.600	11.200	6.585	5.600	11.200				15.518	2.260	4.520	7.574	7.574	7.574	399.412	280.000	560.000	1.650
4	Mường La	38.472	34.975	69.950	38.472	34.975	69.950				15.056	13.410	26.820	14.307	13.110	13.110	335.998	229.450	458.900	2.490
5	Mai Sơn	38.655	30.940	61.880	38.655	30.940	61.880	8.140	11.310	22.620	101.405	10.490	20.980	22.460	19.408	19.408	751.434	504.000	1.008.000	5.000
6	Yên Châu	30.127	23.958	47.916	30.127	23.958	47.916	-	-	-	43.649	3.630	7.260	13.350	13.350	13.350	339.652	271.569	543.138	5.540
7	Mộc Châu	51.351	51.351	102.702	51.351	51.351	102.702	-	-	-	52.000	7.122	14.244	20.398	20.398	20.398	406.886	211.200	422.400	5.000
8	Vân Hồ	40.374	36.225	72.450	40.374	36.225	72.450	40.374	18.463	36.925	9.562	8.560	17.120	8.027	5.970	5.970	232.651	160.000	320.000	3.480
9	Bắc Yên	40.667	34.567	69.134	40.667	34.567	69.134	-	3.150	6.300	3.494	2.970	5.940	10.646	9.581	9.581	233.871	178.000	356.000	1.300
10	Phù Yên	48.979	45.515	91.030	48.979	45.515	91.030	-	14.553	29.105	25.562	3.808	7.616	19.727	19.727	19.727	210.500	210.500	421.000	2.000
11	Sông Mã	66.024	61.925	123.850	66.024	61.925	123.850	66.024	26.550	53.100	75.260	12.240	24.480	25.034	18.230	18.230	583.990	139.500	279.000	3.360
12	Sốp Cộp	28.132	25.500	51.000	28.132	25.500	51.000	28.132	21.750	43.500	14.348	4.700	9.400	6.736	6.736	6.736	163.176	143.212	286.424	3.285
	Tổng cộng	485.072	435.106	870.212	485.072	435.106	870.212	142.670	95.775	191.550	430.520	89.881	179.762	173.824	157.773	157.773	4.363.857	2.843.131	5.686.262	39.955

Phụ lục 06:
TỔNG HỢP KINH PHÍ PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT NĂM 2022

Đơn vị tính: 1.000đ

TT	Nội dung chương trình	Tổng cộng	Vắc xin, hóa chất			Công tiêm phòng, phun khử trùng tiêu độc			Các chi phí triển khai			
			Cộng	Trong đó		Cộng	Trong đó		Cộng	Trong đó		
				Kinh phí mua vắc xin	Kinh phí mua hóa chất		Tiền công tiêm phòng của thú y cơ sở	Tiền công phun khử trùng tiêu độc của thú y cơ sở		Chi phí TĐG, lập, tư vấn đầu...	Chi phí vận chuyển, bảo quản, hỗ trợ công tác phí triển khai thực hiện...	Chi lấy mẫu chẩn đoán bệnh và giám sát sau tiêm phòng
A	B	1=2+5+8	2=3+4	3	4	5=6+7	6	7	8=9+10+11	9	10	11
	Tổng cộng	55.690.287	36.672.728	28.250.179	8.422.549	16.270.203	11.408.703	4.861.500	2.747.356	214.804	1.258.512	1.274.040
1	Tiêm phòng Đại chó	2.118.171	1.521.585	1.521.585		564.734	564.734		31.852	15.697	16.155	
2	Tiêm phòng cho gia súc tại các xã khu vực III theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	23.197.211	15.927.284	15.927.284		6.133.079	6.133.079		1.136.848	86.899	621.729	428.220
3	Tiêm phòng cho gia súc tại các xã khu vực I, khu vực II theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	11.773.699	7.958.179	7.958.179		3.005.011	3.005.011		810.509	47.972	334.317	428.220
4	Kinh phí phun khử trùng tiêu độc tiêm phòng cho gia cầm theo Nghị quyết 89/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La	15.817.261	9.765.335	2.843.131	6.922.204	5.701.379	1.705.879	3.995.500	350.547	64.236	286.311	
5	Chương trình phòng, chống Dịch tả lợn Châu Phi	2.627.345	1.500.345		1.500.345	866.000		866.000	261.000			261.000
6	Chương trình phòng, chống Dịch bệnh Viêm da nổi cục	156.600	-			-			156.600			156.600